

PHỤ LỤC

BẢNG GIÁ CHI TIẾT CÁC CĂN NHÀ Ở XÃ HỘI
DỰ ÁN NHÀ Ở XÃ HỘI KHU ĐÔ THỊ PHÚ CƯỜNG PHÚ QUÝ
(NHÀ Ở XÃ HỘI LIỀN KÈ KHU ĐÔ THỊ PHÚ CƯỜNG PHÚ QUÝ – LÔ S1 ĐẾN S10)

(Đính kèm Công văn số 9047/ SXD-QLN ngày 21/ 8 / 2026 của Sở Xây dựng)

STT	LÔ/CĂN	SỐ CĂN	DIỆN TÍCH 1 CĂN		GIÁ BÁN TẠM TÍNH 1 M ² SÀN XÂY DỰNG	GIÁ BÁN TẠM TÍNH 1 CĂN (VAT)	GIÁ BÁN ÁP DỤNG 1 CĂN (VAT)
			ĐẤT	SÀN			
		<i>(căn)</i>	<i>(m²)</i>	<i>(m²)</i>	<i>(đồng/m²)</i>	<i>(đồng)</i>	<i>(đồng)</i>
	TỔNG	88					
	S1	11					
1	Căn 14	1	69,30	107,21	12.965.352	1.390.015.412	1.390.000.000
2	Căn 16	1	69,30	107,21	12.965.352	1.390.015.412	1.390.000.000
3	Căn 18	1	69,30	107,21	12.965.352	1.390.015.412	1.390.000.000
4	Căn 21	1	69,30	107,21	12.965.352	1.390.015.412	1.390.000.000
5	Căn 49	1	69,30	107,21	13.486.607	1.445.899.179	1.440.000.000
6	Căn 53	1	69,30	107,21	13.486.607	1.445.899.179	1.440.000.000
7	Căn 55	1	69,30	107,21	13.486.607	1.445.899.179	1.440.000.000
8	Căn 65	1	69,30	107,21	13.486.607	1.445.899.179	1.440.000.000
9	Căn 67	1	69,30	107,21	13.486.607	1.445.899.179	1.440.000.000
10	Căn 68	1	69,30	107,21	13.486.607	1.445.899.179	1.440.000.000
11	Căn 71	1	69,30	107,21	13.486.607	1.445.899.179	1.440.000.000

STT	LÔ/CĂN	SỐ CĂN	DIỆN TÍCH 1 CĂN		GIÁ BÁN TẠM TÍNH 1 M ² SÀN XÂY DỰNG	GIÁ BÁN TẠM TÍNH 1 CĂN (VAT)	GIÁ BÁN ÁP DỤNG 1 CĂN (VAT)
			ĐẤT	SÀN			
		(căn)	(m ²)	(m ²)	(đồng/m ²)	(đồng)	(đồng)
	S2	5					
12	Căn 13	1	69,30	107,21	12.967.299	1.390.224.090	1.390.000.000
13	Căn 19	1	69,30	107,21	12.967.299	1.390.224.090	1.390.000.000
14	Căn 47	1	69,30	107,21	13.484.316	1.445.653.517	1.440.000.000
15	Căn 54	1	69,30	107,21	13.484.316	1.445.653.517	1.440.000.000
16	Căn 82	1	69,30	107,21	13.484.316	1.445.653.517	1.440.000.000
	S3	7					
17	Căn 4	1	69,75	113,36	12.971.688	1.470.470.497	1.465.000.000
18	Căn 7	1	69,75	113,36	12.971.688	1.470.470.497	1.465.000.000
19	Căn 8	1	69,75	113,36	12.971.688	1.470.470.497	1.465.000.000
20	Căn 43	1	69,75	113,36	12.572.325	1.425.198.804	1.420.000.000
21	Căn 63	1	69,75	113,36	12.572.325	1.425.198.804	1.420.000.000
22	Căn 76	1	69,75	113,36	12.572.325	1.425.198.804	1.420.000.000
23	Căn 83	1	69,75	113,36	12.572.325	1.425.198.804	1.420.000.000
	S4	1					
24	Căn 20	1	69,75	113,52	12.511.353	1.420.288.828	1.415.000.000
	S5	15					
25	Căn 4	1	69,75	113,52	12.509.025	1.420.024.530	1.415.000.000

STT	LÔ/CĂN	SỐ CĂN	DIỆN TÍCH 1 CĂN		GIÁ BÁN TẠM TÍNH 1 M ² SÀN XÂY DỰNG	GIÁ BÁN TẠM TÍNH 1 CĂN (VAT)	GIÁ BÁN ÁP DỤNG 1 CĂN (VAT)
			ĐẤT	SÀN			
		(căn)	(m ²)	(m ²)	(đồng/m ²)	(đồng)	(đồng)
26	Căn 16	1	69,75	113,52	12.509.025	1.420.024.530	1.415.000.000
27	Căn 18	1	69,75	113,52	12.509.025	1.420.024.530	1.415.000.000
28	Căn 23	1	69,75	113,52	12.953.012	1.470.425.953	1.470.000.000
29	Căn 25	1	69,75	113,52	12.509.025	1.420.024.530	1.415.000.000
30	Căn 28	1	69,75	113,52	12.509.025	1.420.024.530	1.415.000.000
31	Căn 29	1	69,75	113,52	12.509.025	1.420.024.530	1.415.000.000
32	Căn 30	1	69,75	113,52	12.509.025	1.420.024.530	1.415.000.000
33	Căn 37	1	69,75	113,52	12.509.025	1.420.024.530	1.415.000.000
34	Căn 51	1	69,75	113,52	12.509.025	1.420.024.530	1.415.000.000
35	Căn 54	1	69,75	113,52	12.509.025	1.420.024.530	1.415.000.000
36	Căn 61	1	69,75	113,52	13.130.256	1.490.546.705	1.490.000.000
37	Căn 74	1	69,75	113,52	12.953.012	1.470.425.953	1.470.000.000
38	Căn 85	1	69,75	113,52	12.509.025	1.420.024.530	1.415.000.000
39	Căn 89	1	69,75	113,52	12.509.025	1.420.024.530	1.415.000.000
40	Căn 92	1	69,75	113,52	12.509.025	1.420.024.530	1.415.000.000
	S6	4					
41	Căn 16	1	69,75	113,36	12.571.291	1.425.081.497	1.420.000.000
42	Căn 25	1	69,75	113,36	12.571.291	1.425.081.497	1.420.000.000

STT	LÔ/CĂN	SỐ CĂN	DIỆN TÍCH 1 CĂN		GIÁ BÁN TẠM TÍNH 1 M ² SÀN XÂY DỰNG	GIÁ BÁN TẠM TÍNH 1 CĂN (VAT)	GIÁ BÁN ÁP DỤNG 1 CĂN (VAT)
			ĐẤT	SÀN			
		(căn)	(m ²)	(m ²)	(đồng/m ²)	(đồng)	(đồng)
43	Căn 63	1	69,75	113,36	12.571.291	1.425.081.497	1.420.000.000
	S7	18					
44	Căn 3	1	69,75	113,36	12.573.683	1.425.352.668	1.420.000.000
45	Căn 4	1	69,75	113,36	12.573.683	1.425.352.668	1.420.000.000
46	Căn 6	1	69,75	113,36	12.573.683	1.425.352.668	1.420.000.000
47	Căn 7	1	69,75	113,36	12.573.683	1.425.352.668	1.420.000.000
48	Căn 20	1	69,75	113,36	12.573.683	1.425.352.668	1.420.000.000
49	Căn 22	1	69,75	113,36	12.573.683	1.425.352.668	1.420.000.000
50	Căn 23	1	69,75	113,36	12.573.683	1.425.352.668	1.420.000.000
51	Căn 28	1	69,75	113,36	12.573.683	1.425.352.668	1.420.000.000
52	Căn 32	1	69,75	113,36	12.573.683	1.425.352.668	1.420.000.000
53	Căn 36	1	69,75	113,36	12.573.683	1.425.352.668	1.420.000.000
54	Căn 39	1	69,50	115,97	13.718.961	1.590.987.903	1.590.000.000
55	Căn 44	1	69,75	113,36	12.573.683	1.425.352.668	1.420.000.000
56	Căn 50	1	69,75	113,36	12.573.683	1.425.352.668	1.420.000.000
57	Căn 61	1	69,75	113,36	12.573.683	1.425.352.668	1.420.000.000
58	Căn 69	1	69,75	113,36	12.573.683	1.425.352.668	1.420.000.000
59	Căn 71	1	69,75	113,36	12.573.683	1.425.352.668	1.420.000.000

STT	LÔ/CĂN	SỐ CĂN	DIỆN TÍCH 1 CĂN		GIÁ BÁN TẠM TÍNH 1 M ² SÀN XÂY DỰNG	GIÁ BÁN TẠM TÍNH 1 CĂN (VAT)	GIÁ BÁN ÁP DỤNG 1 CĂN (VAT)
			ĐẤT	SÀN			
		(căn)	(m ²)	(m ²)	(đồng/m ²)	(đồng)	(đồng)
60	Căn 74	1	69,75	113,36	12.573.683	1.425.352.668	1.420.000.000
	S8	10					
61	Căn 3	1	69,75	113,52	12.510.402	1.420.180.810	1.415.000.000
62	Căn 5	1	69,75	113,52	12.510.402	1.420.180.810	1.415.000.000
63	Căn 7	1	69,75	113,52	12.510.402	1.420.180.810	1.415.000.000
64	Căn 26	1	69,75	113,52	12.953.691	1.470.502.973	1.470.000.000
65	Căn 39	1	69,50	115,15	13.729.781	1.580.984.291	1.580.000.000
66	Căn 46	1	69,75	113,52	12.510.402	1.420.180.810	1.415.000.000
67	Căn 50	1	69,75	113,52	12.510.402	1.420.180.810	1.415.000.000
68	Căn 54	1	69,75	113,52	12.510.402	1.420.180.810	1.415.000.000
69	Căn 62	1	69,75	113,52	12.510.402	1.420.180.810	1.415.000.000
70	Căn 70	1	69,75	113,52	12.510.402	1.420.180.810	1.415.000.000
	S9	9					
71	Căn 2	1	69,75	113,52	12.511.838	1.420.343.842	1.415.000.000
72	Căn 8	1	69,75	113,52	12.511.838	1.420.343.842	1.415.000.000
73	Căn 10	1	69,75	113,52	12.511.838	1.420.343.842	1.415.000.000
74	Căn 21	1	69,75	113,52	12.511.838	1.420.343.842	1.415.000.000
75	Căn 25	1	69,75	113,52	12.511.838	1.420.343.842	1.415.000.000

STT	LÔ/CĂN	SỐ CĂN	DIỆN TÍCH 1 CĂN		GIÁ BÁN TẠM TÍNH 1 M ² SÀN XÂY DỰNG	GIÁ BÁN TẠM TÍNH 1 CĂN (VAT)	GIÁ BÁN ÁP DỤNG 1 CĂN (VAT)
			ĐẤT	SÀN			
		(căn)	(m ²)	(m ²)	(đồng/m ²)	(đồng)	(đồng)
76	Căn 39	1	69,75	113,52	13.434.313	1.525.063.212	1.525.000.000
77	Căn 44	1	69,75	113,52	14.097.042	1.600.296.263	1.600.000.000
78	Căn 47	1	69,75	113,52	13.434.313	1.525.063.212	1.525.000.000
79	Căn 59	1	69,75	113,52	13.434.313	1.525.063.212	1.525.000.000
	S10	8					
80	Căn 9	1	69,75	113,36	12.571.291	1.425.081.497	1.420.000.000
81	Căn 15	1	69,75	113,36	12.571.291	1.425.081.497	1.420.000.000
82	Căn 25	1	69,75	113,36	12.571.291	1.425.081.497	1.420.000.000
83	Căn 34	1	69,75	113,36	12.571.291	1.425.081.497	1.420.000.000
84	Căn 35	1	69,75	113,36	12.571.291	1.425.081.497	1.420.000.000
85	Căn 57	1	69,75	113,36	13.497.085	1.530.029.511	1.530.000.000
86	Căn 58	1	69,75	113,36	13.497.085	1.530.029.511	1.530.000.000
87	Căn 64	1	69,75	113,36	13.497.085	1.530.029.511	1.530.000.000